

Bản án số: 337A/2023/HC-PT
Ngày 19 tháng 5 năm 2023
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý đất đai; quyết định giải quyết
kiếu nại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023 và ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 810/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai; Quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2022/HC-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 502/2023/QĐPT-HC ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Võ Thị Thanh L, sinh năm 1979 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 21, ấp Tân Lập, xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1982 – Có mặt;

Địa chỉ: Khu phố Cẩm Tân, phường Xuân Tân, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2021);

- Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 31/26, đường số 3, Khu phố 1, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2022);

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ: Ông Lê Văn T¹, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ (Văn bản ủy quyền số 5791/GUQ-UBND ngày 23/7/2021) – Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ:

- Ông Lê Văn B, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Mỹ – Có mặt;

- Ông Ngô Minh P, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ – Có mặt;

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Tiến D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Văn T², Trưởng phòng Hành chính tổng hợp Chi cục Quản lý đất, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Thanh H¹, sinh năm 1974 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

3.2. Ông Nguyễn H², sinh năm 1955 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện, bà Võ Thị Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/5/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Võ Thị Thanh L và người đại diện hợp pháp của bà trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 27 ấp Tân Lập, xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai là của Công ty Cao su Đồng Nai cấp cho ông

Nguyễn H². Ngày 01/4/2002, ông H² chuyển nhượng thửa đất trên cho bà L và bà L đã kê khai năm 2014, đã được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp Biên nhận số 1276/VPĐK ngày 05/11/2014.

Tháng 12/2019, bà nhận được Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc đoạn Phan Thiết - Dầu Giây và nhận Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ (Sau đây viết tắt là Quyết định số 1096) phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất, kèm theo Bảng tính toán giá trị bồi thường. Bà khiếu nại Quyết định số 1096 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 01/6/2020, bác khiếu nại của bà (Sau đây viết tắt là Quyết định số 346). Bà tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 05/02/2021, bác khiếu nại của bà (Sau đây viết tắt là Quyết định số 500).

Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ không bồi thường về đất cho bà, mà chỉ hỗ trợ là không đúng vì đất này của Công ty Cao su Đồng Nai cấp cho ông H² và ông H² chuyển nhượng lại cho bà. Những trường hợp này đều được Nhà nước giao về cho địa phương để làm thủ tục cho người dân kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 61/CP. Tại khu vực này có nhiều hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà cũng đã kê khai, đăng ký đất và đã được cấp biên nhận. Việc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là lỗi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà yêu cầu được bồi thường về đất.

Đất của bà có vị trí khu dân cư, tiếp giáp đường lớn thì phải được cấp đất thổ cư 300 m² không phải đóng thuế, nhưng khi hỗ trợ lại tính toàn bộ đất nông nghiệp là không đúng.

Giá bồi thường nhà cấp 3 hạng 1 giá 6.023.000 đồng/m² và nhà cấp 3 hạng 2 giá 5.420.000 đồng/m² là quá thấp.

Bà Võ Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định, gồm: Quyết định số 1096, Quyết định số 346 và Quyết định số 500.

Tại Công văn số 6360/UBND-NC ngày 19/8/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ và người đại diện hợp pháp trình bày:

Để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết – Dầu Giây, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 thu hồi diện tích 42.119,1 m² đất của Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa quản lý, trong đó có diện tích 454,6 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 27, do hộ bà L sử dụng. Đồng thời đã ban

hành Quyết định số 1096 bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà L tổng số tiền 1.393.632.051 đồng.

Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 12/10/2019 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Chi nhánh Long Khánh; Giấy xác nhận nguồn gốc nhà, đất, vật kiến trúc số 17/UBND ngày 26/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa; Biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất ngày 05/11/2019 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ, thể hiện: Diện tích 454,6 m² đất thuộc thửa số 04, loại đất trồng cây lâu năm, vị trí 1 do bà L đang sử dụng, có nguồn gốc do Công ty Cao su Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn H² theo Quyết định số 226/88/CSĐN/QĐ ngày 25/3/1988, sử dụng đến năm 2002 chiết một phần diện tích chuyển nhượng cho bà L sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ diện tích 454,6 m² nằm trong tổng diện tích đất Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi của Nông trường cao su Hàng Gòn thuộc Tổng Công ty Cao su Đồng Nai và giao cho Công ty Kinh doanh nhà quản lý, tại Quyết định số 747/QĐ-CT.UBT ngày 16/3/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh bàn giao khu đất cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa quản lý.

Căn cứ khoản 2 điều 74; điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, đất trồng cây lâu năm, vị trí 1 xã Nhân Nghĩa, giá 948.000 đồng/m².

Hộ bà L sử dụng 454,6 m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc của Nông trường cao su Hàng Gòn, Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi và giao cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa quản lý, nên hộ bà L không đủ điều kiện bồi thường về đất, mà chỉ được hỗ trợ về đất. Căn cứ Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 15307/UBND-KTNS ngày 31/12/2019 chấp thuận hỗ trợ về đất đối với các hộ dân sử dụng đất có nguồn gốc của Nông trường cao su Hàng Gòn đã được thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa quản lý, thì hỗ trợ đất trồng cây lâu năm, vị trí 1 xã Nhân Nghĩa, giá 948.000 đồng/m², nên Quyết định số 1096 hỗ trợ về đất cho bà L với giá 948.000 đồng/m² là đúng.

Theo Biên bản kiểm kê tài sản thì trên đất thu hồi do hộ bà L sử dụng có 175,2 m² nhà C3H1 và 73,1 m² nhà C3H2, xây dựng từ năm 2008. Theo Phụ lục 1 và Phụ lục 1-d ban hành kèm theo Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, sửa đổi một số Phụ lục đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng

Nai, thì nhà C3H1 đơn giá 6.023.000 đồng/m² và nhà C3H2 đơn giá 5.420.000 đồng/m². Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 6 Quy định kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định số 1096 hỗ trợ cho bà L mức 60% đơn giá nhà, là đúng quy định.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ còn ban hành Quyết định số 428/QĐ-UBND và Quyết định số 453/QĐ-UBND cùng ngày 01/10/2020 bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà L số tiền 87.296.646 đồng và được tăng mức hỗ trợ nhà ở từ 60% lên 100% với số tiền 677.935.273 đồng.

Ngày 06/10/2020, bà L đã nhận đủ số tiền 2.158.863.970 đồng.

Do đó, Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Văn bản số 11692/UBND-THNC ngày 24/9/2021 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và người đại diện hợp pháp trình bày:

Dự án đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết – Dầu Giây thuộc dự án được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017, Chính phủ đã thông qua và triển khai thực hiện dự án tại Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018 và Thủ tướng đã phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Văn bản số 881/TTg-CN ngày 12/7/2018; Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần tại Quyết định số 2229/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2018.

Thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ ban hành Thông báo số 265/TB-UBND ngày 15/10/2019 về việc thu hồi diện tích 454,6 m² đất thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 27 xã Nhân Nghĩa.

Đối với yêu cầu của bà L đòi bồi thường 300 m² theo loại đất ở và 154,6 m² còn lại là đất trồng cây lâu năm: Diện tích 454,6 m² bà L sử dụng có nguồn gốc của Nông trường cao su Hàng Gòn, nằm trong diện tích Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa quản lý, đến ngày 30/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1079/QĐ-UBND thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa quản lý để thực hiện dự án, nên bà L không đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 15307/UBND-KTNS ngày 31/12/2019 chấp thuận hỗ trợ về đất đối với các hộ dân sử dụng đất có nguồn gốc của Nông trường cao su Hàng Gòn đã được thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa quản lý, trong đó có hộ bà L được hỗ trợ theo Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 với giá đất trồng cây lâu năm, vị trí 1 xã Nhân Nghĩa, giá 948.000 đồng/m², là đúng quy định của pháp luật.

Trên đất thu hồi do hộ bà L sử dụng có 175,2 m² nhà C3H1 và 73,1 m² nhà C3H2, xây dựng từ năm 2008. Căn cứ Phụ lục 1 và Phụ lục 1-d ban hành kèm theo Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, sửa đổi một số Phụ lục đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì nhà C3H1 đơn giá 6.023.000 đồng/m² và nhà C3H2 đơn giá 5.420.000 đồng/m². Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 6 Quy định kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định: *“Đối với nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện như sau: b) Đối với trường hợp nhà ở, vật kiến trúc xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước thời điểm Nhà nước công bố Thông báo thu hồi đất, được hỗ trợ 60% giá trị bồi thường nhà ở, vật kiến trúc”*. Do đó, Quyết định số 1096 hỗ trợ cho bà L mức 60% đơn giá nhà là đúng quy định.

Quyết định số 1960, Quyết định số 346 và Quyết định số 500 đều đúng quy định của pháp luật, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2022/HC-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính; Các điều: 66, 67, 69 Luật đất đai năm 2013; Các điều: 18, 21, 27, 29, 30, 31, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Các điều 19, 20, 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh L về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết – Dầu Giây thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2017-2020, đoạn qua địa bàn xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ.

- Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Thanh L (Lần đầu) số 346/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- Quyết định về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị Thanh L (Lần hai) số 500/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2022, bà Võ Thị Thanh L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Đình T yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, vì luật tố tụng hành chính không cho phép đương sự được ủy quyền lại, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chấp nhận việc ủy quyền lại, đã chấp nhận cho anh Nguyễn Thái H tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Thanh L. Nếu yêu cầu hủy bản án sơ thẩm không được chấp nhận, thì yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh L. Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, thì việc xác định loại đất phải căn cứ theo hiện trạng sử dụng đất. Bà L đã cất nhà ở trên đất từ năm 2002, nên trong diện tích đã thu hồi của bà L phải xác định có đất ở, theo định mức của địa phương là 300 m² và bà L phải được bồi thường theo giá đất ở 300 m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L. Theo Quyết định của Nông trường cấp đất cho ông H² năm 1988 thì có đất làm nhà ở và đất tăng gia sản xuất, phần đất ở thì ông H² đã được xác định là đất ở, nên phần ông H² chuyển nhượng cho bà L là phần đất tăng gia sản xuất, là đất nông nghiệp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trình bày: Việc xác định loại đất theo hiện trạng chỉ áp dụng đối với đất chưa có quyết định quản lý của Nhà nước. Diện tích đất của bà L bị thu hồi là nằm trong diện tích đất của Nông trường cao su Hàng Gòn, mà trước đây Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quyết định thu hồi, giao lại cho Ủy ban nhân dân xã quản lý. Sau khi chuyển nhượng một phần diện tích cho bà L, ông H² đã xuất trình Quyết định của Nông trường cấp đất cho ông H² năm 1988 để làm thủ tục đối với phần đất còn lại của ông và ông H² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó đã có 400 m² đất ở. Bà L không có Quyết định cấp đất của Nông trường, đối tượng được Nông trường cấp đất là ông H², không phải là bà L; Việc ông H² chuyển nhượng đất cho bà L cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Vì vậy, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Thanh L đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm;

Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đương sự vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Khoản 5 Điều 60 Luật tố tụng hành chính năm 2015 quy định: “*Người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng hành chính thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của người ủy quyền. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba*”.

Tại mục 3 Giấy ủy quyền ngày 22/6/2021 của bà Võ Thị Thanh L ủy quyền cho ông Nguyễn Đình T tham gia tố tụng, có nội dung: “*Trong phạm vi ủy quyền, ông Nguyễn Đình T được ủy quyền lại cho bên thứ ba (kể cả việc hủy bỏ giấy ủy quyền đối với bên thứ ba) thực hiện các công việc đã được ủy quyền nêu trên*”.

Tại Giấy ủy quyền ngày 09/9/2022, có nội dung bà Võ Thị Thanh L và ông Nguyễn Đình T ủy quyền cho ông Nguyễn Thái H tham gia tố tụng, nhưng chỉ có ông Nguyễn Đình T ký tên, bà L không ký tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/9/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận ông Nguyễn Thái H làm người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Thanh L, là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 60 Luật tố tụng hành chính, là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đình T đã tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm và ông T cũng đưa ra các chứng cứ, lý lẽ mà ông Nguyễn Thái H đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nên quyền tố tụng của bà Võ Thị Thanh L vẫn được đảm bảo. Việc hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại vì lý do này cũng chỉ làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, gây lãng phí thời gian, công sức. Vì vậy, không nhất thiết phải hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm.

[3] Ngày 19/5/2021, bà Võ Thị Thanh L khởi kiện đối với Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai trong thời hạn chưa quá 01 năm kể từ

ngày có quyết định bị khởi kiện. Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ và Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ đều là các quyết định liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116, 193 Luật tố tụng hành chính.

[4] Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ và Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ đều được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 63, khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Các điều: 18, 21, 31, 40 Luật khiếu nại năm 2011;

[5] Nguồn gốc diện tích 454,6 m² thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 27 xã Nhân Nghĩa do Giám đốc Công ty Cao su Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn H² làm nhà ở kết hợp làm kinh tế phụ theo Quyết định số 226/88/CSĐN/QĐ ngày 25/3/1988. Ông Nguyễn H² sử dụng đến ngày 01/4/2002 thì chuyển nhượng một phần diện tích lại cho bà L cất nhà ở, sử dụng ổn định cho đến khi bị thu hồi đất để thực hiện dự án. Bà L đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp Biên nhận số 1276/VPĐK ngày 05/11/2014, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Giấy xác nhận số 17/UBND ngày 26/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa và Sơ đồ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên – Môi trường Chi nhánh Long Khánh lập ngày 12/10/2019, thể hiện bà Võ Thị Thanh L bị thu hồi diện tích 454,6 m², mục đích sử dụng ONT + CLN, trên đất có 175,2 m² nhà C3H1 và 73,1 m² nhà C3H2; Hộ gia đình bà L bị thu hồi hết đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã nơi có đất thu hồi.

Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ bồi thường, hỗ trợ cho bà L tổng cộng 1.393.632.051 đồng. Cụ thể như sau: Về đất: 454,6 m² đất nông nghiệp vị trí 1, đơn giá 948.000đồng/m² (hỗ trợ tỷ lệ 100%) = 430.960.800 đồng; Nhà ở, vật kiến trúc (hỗ trợ tỷ lệ 60%) = 929.313.751 đồng; Cây trồng (hỗ trợ tỷ lệ 100%) = 357.500 đồng; Các chính sách hỗ trợ khác (tỷ lệ 100%) = 33.000.000 đồng.

Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ bồi thường, hỗ trợ khác về nhà ở, vật kiến trúc cho bà L, với tỷ lệ hỗ trợ 40% = 677.935.273 đồng.

Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà ở, vật kiến trúc cho bà L với số tiền 87.296.646 đồng.

Ngày 06/10/2020, bà Võ Thị Thanh L đã nhận đủ các số tiền bồi thường, gồm: 1.381.632.051 đồng; 677.935.273 đồng; 87.296.646 đồng và tiền thưởng 12.000.000 đồng. Như vậy, bà Võ Thị Thanh L đã được bồi thường, hỗ trợ về đất, vật kiến trúc và cây trồng trên đất, với tỷ lệ 100% đơn giá bồi thường.

[6] Đất của bà L bị thu hồi có diện tích 454,6 m² thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 27 xã Nhân Nghĩa có nguồn gốc là đất nông nghiệp của Nông trường cao su Hàng Gòn, bà L có kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa được xác định là đất ở, chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính. Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ bồi thường, hỗ trợ cho bà L toàn bộ diện tích 454,6 m² theo giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1, là đúng theo quy định tại Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết – Dầu Giây, thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua huyện Cẩm Mỹ. Do đó, việc bà L yêu cầu phải bồi thường về đất cho bà đối với diện tích 454,6 m², thì trong đó phải bồi thường 300 m² theo giá đất ở, là không có cơ sở.

Đối với các tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất của bà L bị thu hồi đã được Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ bồi thường, hỗ trợ bằng các quyết định: Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 và Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 01/10/2020, với mức bồi thường, hỗ trợ là 100% giá trị, là đã đảm bảo quyền lợi của bà Võ Thị Thanh L và phù hợp theo Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi một số phụ lục đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 5836/UBND-KTNS ngày 25/5/2020 và Văn bản số 10823/UBND-KTNS ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xử lý khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng đường cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây, đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Do vậy, Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Thanh L (Lần đầu) số 346/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ và Quyết định về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị

Thanh L (Lần hai) số 500/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, là đúng quy định của pháp luật.

[7] Bà Võ Thị Thanh L kháng cáo nhưng người đại diện hợp pháp của bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp, nên không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[8] Bà Võ Thị Thanh L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[9] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Thanh L; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2022/HC-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Không chấp nhận khởi kiện của bà Võ Thị Thanh L về việc yêu cầu hủy các quyết định, gồm:

Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết – Dầu Giây thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2017-2020, đoạn qua địa bàn xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ.

Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Thanh L (Lần đầu) số 346/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Quyết định về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị Thanh L (Lần hai) số 500/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Võ Thị Thanh L phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí hành chính phúc

thảm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Phiếu thu số 0006010 ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (20b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công